

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ ĐỐC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 505/QĐ-UBND

Trà Đốc, ngày 09 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Quý I năm 2026
của UBND xã Trà Đốc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRÀ ĐỐC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Trà Đốc về việc giao nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia ngân sách xã được hưởng và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Trà Đốc sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính;
Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Trà Đốc về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh, dự toán thu – chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Trà Đốc năm 2026;
Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số: 155/TTr-PKT ngày 09/04/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý I năm 2026 của UBND xã Trà Đốc.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính thành phố;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các phòng, ban, đoàn thể thuộc xã;
- Lưu: VT-PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Châu Minh Ninh

UBND XÃ TRÀ ĐỐC

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 505/QĐ-UBND ngày 09/04/2025 của UBND xã Trà Đốc)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	263.367.000.000	111.784.785.346	42,444
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	411.000.000	193.283.615	47,028
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.571.000.000	143.186.578	5,569
3	Thu bổ sung	260.385.000.000	84.766.300.000	32,554
	- Thu bổ sung cân đối	193.842.000.000	16.153.500.000	8,333
	- Thu bổ sung có mục tiêu	66.543.000.000	68.612.800.000	103,110
4	Thu chuyển nguồn		26.682.015.153	
5	Thu kết dư			
II	TỔNG SỐ CHI	263.367.000.000	49.475.090.889	24,400
1	Chi đầu tư phát triển	30.172.000.000	883.507.000	2,928
2	Chi thường xuyên	226.306.000.000	48.591.523.889	21,472
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		60.000	
4	Dự phòng	6.889.000.000		0,000

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 305/QĐ-UBND ngày 09/04/2025 của UBND xã Trà Đốc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	9.400.000.000	263.367.000.000	112.104.323.047	111.784.785.346	1192,599	42,444
I	Các khoản thu 100%	411.000.000	411.000.000	201.924.767	193.283.615	49,130	47,028
	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	14.658.000	6.018.000	48,860	20,060
	Lệ phí trước bạ	380.000.000	380.000.000	187.245.365	187.245.365	49,275	49,275
	Thu khác	1.000.000	1.000.000	21.402	20.250	2,140	2,025
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.989.000.000	2.571.000.000	454.023.127	143.186.578	5,051	5,569
1	Thuế GTGT thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	320.000.000	265.000.000	6.421.527	5.329.869	2,007	2,011
2	Thuế TNCN	20.000.000	17.000.000	6.747.600	5.600.509	33,738	32,944
3	Thu cấp quyền KTKS, tài nguyên nước	8.600.000.000	2.289.000.000	440.854.000	132.256.200	5,126	5,778
4	Thu khác	49.000.000				0,000	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			26.682.015.153	26.682.015.153		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			60.000			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		260.385.000.000	84.766.300.000	84.766.300.000		32,554
	- Thu bổ sung cân đối		193.842.000.000	16.153.500.000	16.153.500.000		8,333
	- Thu bổ sung có mục tiêu		66.543.000.000	68.612.800.000	68.612.800.000		103,110



UBND XÃ TRÀ ĐỐC

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Biểu số 115/CK TC-NSNN

(Kèm theo Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 09/04/2026 của UBND xã Trà Đốc)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I				SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3	
	TỔNG CHI	263.367.000.000	30.172.000.000	233.195.000.000	49.475.090.889	883.507.000	48.591.583.889	18,786	2,928	20,837	
1	Chi quốc phòng	4.340.984.000		4.340.984.000	775.849.613		775.849.613	17,873		17,873	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	993.036.000		993.036.000	217.099.000		217.099.000	21,862		21,862	
3	Chi giáo dục	116.334.623.000		116.334.623.000	23.062.566.176		23.062.566.176	19,824		19,824	
4	Chi khoa học và công nghệ	2.300.000.000		2.300.000.000	12.542.500		12.542.500	0,545		0,545	
5	Chi y tế	8.011.800.000		8.011.800.000	185.347.732		185.347.732	2,313		2,313	
6	Chi văn hóa, thông tin	1.600.000.000		1.600.000.000	538.087.000	336.007.000	202.080.000	33,630		12,630	
7	Chi hoạt động đại truyền thanh	230.000.000		230.000.000							
8	Chi thể dục thể thao	250.000.000		250.000.000							
9	Chi bảo vệ môi trường	600.000.000		600.000.000							
10	Chi các hoạt động kinh tế	13.320.238.000		13.320.238.000	1.903.823.000	531.500.000	1.372.323.000	14,293		10,303	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	30.443.342.000		30.443.342.000	8.602.665.868		8.602.665.868				
12	Chi cho công tác xã hội	43.434.000.000		43.434.000.000	14.162.050.000	16.000.000	14.146.050.000	32,606		32,569	
13	Chi khác	500.000.000		500.000.000	15.000.000		15.000.000	3,000		3,000	
14	Chi nộp trả cấp trên				60.000		60.000				
15	CCTL	3.947.977.000		3.947.977.000							
16	Dự phòng ngân sách xã	6.889.000.000		6.889.000.000							